

Số: 3771508

**THACO Linker T2-12 - Thùng Kín -
Inox 430**

TOWNER V2.6-5S AT

Giá niêm yết:

603.700.000đ

394.000.000đ

KÍCH THƯỚC:

Kích thước tổng thể(DxRxC)

7.135 x 2.360 x 3.350 mm

4.500 x 1.690 x 2.000 mm

Kích thước lọt lòng thùng(DxRxC)

5.200 x 2.220 x 2.150 mm

1.600 x 1.505 x 1.340 mm (3.22 m³)

Chiều dài cơ sở

3.800 mm

2.930 mm

Vết bánh xe trước/sau

1.805/ 1.800 mm

1.442/1.455 mm

KHỐI LƯỢNG:

Khối lượng bản thân

4.350 kg

1360 kg

Khối lượng chở cho phép

7.800 kg

945 kg

Khối lượng toàn bộ

12.345 kg

2630 kg

Số chỗ ngồi

3 chỗ

5 chỗ

ĐỘNG CƠ:

Tên động cơ

WEICHAİ - WP3NQ160E50

DAM16KAR (Công nghệ Nhật Bản)

Loại động cơ

Diesel, 4 xy lạnh thẳng hàng, tăng áp,
phun nhiên liệu điện tử (ECU)

Hệ thống phun xăng điện tử EFI
(Electronic Fuel Injection) giúp động cơ
vận hành êm dịu, tiết kiệm nhiên liệu

Dung tích xi lanh

2.970

1.597 cc

Công suất cực đại/ tốc độ quay

160/ 3.000

122/6.000 Ps/(vòng/phút)

Mô men xoắn/ tốc độ quay

480/ 1.400 ~ 2.300

158/4.400 - 5.200 N.m/(vòng/phút)

TRUYỀN ĐỘNG:

Ly hợp

Đĩa ma sát đơn, điều khiển thủy lực, trợ
lực khí nén

Biến mô thủy lực, dẫn động tự động

Hộp số

Cơ khí, 6 số tiến và 1 số lùi

DONGAN A8R30 Số tự động , 8 số tiến, 1
số lùi

Tỷ số truyền

ih1=6,176; ih2=3,330; ih3=2,075;
ih4=1,395; ih5=1,000; ih6=0,780;
iR=5,574

5,00 - 3,200 - 2,143 - 1,72 - 1,314 -
1,00 - 0,822 - 0,64 R: 3,456

HỆ THỐNG PHANH:

Hệ thống phanh

Tang trống, khí nén toàn phần, 2 dòng,
có ABS

Đĩa/tang trống, dẫn động thủy lực, trợ
lực chân không, có ABS, EBD

HỆ THỐNG TREO:

Trước

Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thủy lực

Độc lập, lò xo trụ, giảm chấn thủy lực

Sau

Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thủy lực

Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thủy lực

LỐP XE:

Trước/Sau

8.25R16

185R14

ĐẶC TÍNH:

Khả năng leo dốc

25,9 %

48%

Bán kính quay vòng nhỏ nhất

6,71 m

6.2 m

Tốc độ tối đa

87 km/h

118 km/h

Dung tích thùng nhiên liệu

100 lít

43 lít

HỆ THỐNG LÁI:

Hệ thống lái

Trục vít - Êcu bi, trợ lực thủy lực

Thanh răng - bánh răng , trợ lực điện